TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 638/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 14 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 583/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Z S, phường H1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Võ Ngọc Thanh T1, sinh năm 1985.

Nơi thường trú: Z S, phường H1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở hiện tại: Y L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Võ Ngọc Thanh T1 đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2009 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường, đến đầu năm 2024 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên là do không còn hợp nhau trong cuộc sống. Tháng 5/2024, vợ chồng bắt đầu sống ly thân cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Võ Ngọc Thanh T1 có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 04/10/2009. Hiện nay, cháu C đang ở với chị T1.

Nay ly hôn, anh T và chị T1 thỏa thuận: Giao cháu C cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), chị T1 không cấp dưỡng nuôi cháu C.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Võ Ngọc Thanh T1 trình bày không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Võ Ngọc Thanh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Võ Ngọc Thanh T1 có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 04/10/2009. Hiện nay, cháu C đang ở với chị T1.

Giao cháu C cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), chị T1 không cấp dưỡng nuôi cháu C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Võ Ngọc Thanh T1 trình bày không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Võ Ngọc Thanh T1, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004286 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Nguyễn Ngọc T, chị Võ Ngọc Thanh T1 đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. P, thành phố H;

(ĐKKH số 02, ngày 10/01/2009);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Văn Hạnh